TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Từ nguyên lý “lục hòa” đến kiến tạo đồng thuận xã hội trong kỷ nguyên số

ISSN: 2734-9195 14:05 02/05/2026

Giữ vững và phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc không chỉ là yêu cầu chính trị, mà còn là nhiệm vụ văn hóa – xã hội mang tính nền tảng, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững và hài hòa trong kỷ nguyên mới.

Tác giả: **Nguyễn Hoàng Hành**
Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

TÓM TẮT
Bài viết phân tích tinh thần đại đoàn kết dân tộc – kết tinh trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là ngày 30/4 lịch sử – dưới góc nhìn Phật học, đặc biệt thông qua nguyên lý “lục hòa” như một nền tảng đạo đức – xã hội của sự hòa hợp cộng đồng. Trên cơ sở đối chiếu giữa giáo lý Phật giáo và thực tiễn cách mạng Việt Nam, bài viết làm rõ sự tương thích sâu sắc giữa các phương diện của lục hòa với cơ chế kiến tạo đồng thuận xã hội, qua đó khẳng định đại đoàn kết dân tộc không chỉ là đường lối chính trị nhất quán của Đảng mà còn là giá trị văn hóa – đạo đức mang tính bền vững.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, bài viết nhận diện những thách thức mới đối với “thế trận lòng dân”, đặc biệt là tác động của thông tin sai lệch và sự gia tăng các “điểm nóng mềm” trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Từ đó, bài viết đề xuất vai trò của truyền thông chính sách như một công cụ quan trọng nhằm hiện đại hóa nguyên lý hòa hợp, góp phần định hướng dư luận, củng cố niềm tin xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị xã hội trong điều kiện mới.

TỪ KHÓA: Đại đoàn kết dân tộc, Lục hòa, Phật học ứng dụng, Thế trận lòng dân, Truyền thông chính sách, Đồng thuận xã hội, Quản trị nhận thức.

ABSTRACT
This article examines the spirit of national great unity—crystallized in the Spring Victory of 1975, culminating on April 30—from a Buddhist perspective,

particularly through the principle of the “Six Harmonies” (Lục Hòa) as an ethical–social foundation for communal concord. By comparing Buddhist theoretical frameworks with Vietnam’s revolutionary practice, the study demonstrates the profound compatibility between the dimensions of the Six Harmonies and the mechanisms for constructing social consensus. It argues that national unity is not only a consistent political strategy of the Party but also a sustainable cultural and ethical value.

In the context of digital transformation and international integration, the article further identifies emerging challenges to the people-based consensus foundation, especially the impact of misinformation and the increasing prevalence of “soft hotspots” in ethnic and religious domains. Accordingly, it highlights policy communication as a critical instrument for modernizing the principle of harmony, contributing to public opinion guidance, strengthening social trust, and enhancing governance effectiveness in contemporary society.

KEYWORDS: National great unity; Six Harmonies (Lục Hòa); Applied Buddhist studies; People-based consensus foundation; Policy communication; Social consensus; Cognitive governance.

ĐÓNG GÓP CỦA BÀI VIẾT (Contribution Statement)

Bài viết có ba đóng góp chính về phương diện lý luận và thực tiễn:

Thứ nhất, bài viết làm rõ một cách có hệ thống mối quan hệ giữa nguyên lý “lục hòa” của Phật giáo với cơ chế kiến tạo đồng thuận xã hội trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, qua đó góp phần luận giải đại đoàn kết dân tộc không chỉ như một đường lối chính trị nhất quán của Đảng, mà còn như một giá trị văn hóa – đạo đức mang tính nền tảng và bền vững.

Thứ hai, bài viết bổ sung cách tiếp cận Phật học ứng dụng trong phân tích vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên số, mở rộng phạm vi vận dụng của tư tưởng Phật giáo từ lĩnh vực tôn giáo – đạo đức sang lĩnh vực quản trị xã hội và định hướng nhận thức cộng đồng.

Thứ ba, trên cơ sở kết nối lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất vai trò của truyền thông chính sách như một công cụ quan trọng nhằm hiện đại hóa các giá trị hòa hợp, góp phần định hình dư luận xã hội, củng cố “thế trận lòng dân” và nâng cao hiệu quả quản trị xã hội, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo.

MỞ ĐẦU

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là ngày 30/4 lịch sử, là biểu tượng rực rỡ của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước. Từ chiều sâu văn hóa và tư tưởng, đó không chỉ là thắng lợi của ý chí chính trị và nghệ thuật quân sự, mà còn là kết quả của một quá trình kiến tạo đồng thuận xã hội rộng lớn, nơi các khác biệt về dân tộc, tôn giáo và điều kiện xã hội được chuyển hóa thành sức mạnh thống nhất, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển của quốc gia.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng, cấu trúc xã hội đang biến đổi nhanh chóng với nhiều yếu tố phức tạp, đặc biệt là sự gia tăng của thông tin sai lệch và các "điểm nóng mềm" trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Những thách thức này không chỉ tác động đến nhận thức xã hội mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải củng cố và tái kiến tạo "thế trận lòng dân" trên nền tảng đồng thuận bền vững, cả về nhận thức, niềm tin và lợi ích.

Trên cơ sở đó, bài viết tiếp cận tinh thần đại đoàn kết dân tộc từ góc nhìn Phật học, thông qua nguyên lý "lục hòa" như một mô hình đạo đức – xã hội của sự hòa hợp cộng đồng. Bằng phương pháp phân tích – đối chiếu giữa giáo lý Phật giáo và thực tiễn cách mạng Việt Nam, bài viết làm rõ cơ chế kiến tạo đồng thuận xã hội trong bối cảnh lịch sử và hiện đại, qua đó chỉ ra sự tương thích giữa các giá trị hòa hợp của Phật giáo với đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Trên phương diện thực tiễn, bài viết đề xuất vai trò của truyền thông chính sách như một công cụ quan trọng nhằm hiện đại hóa nguyên lý hòa hợp trong điều kiện xã hội số, góp phần định hướng dư luận, củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao hiệu quả quản trị xã hội, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo.

Qua đó, bài viết góp phần gợi mở hướng tiếp cận liên ngành giữa Phật học, khoa học xã hội và quản trị công trong nghiên cứu về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc vận dụng các giá trị văn hóa – tôn giáo trong xây dựng và củng cố "thế trận lòng dân" trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

1. Đại thắng 30/4 – biểu tượng của sức mạnh "lòng dân" và giá trị hòa hợp dân tộc

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là ngày 30/4 lịch sử, không chỉ là kết quả của nghệ thuật quân sự và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, mà trước hết

và trên hết là thành tựu của một quá trình huy động, quy tụ và kết tinh ý chí đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là sự hội tụ của mọi nguồn lực xã hội – từ đô thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, từ các cộng đồng dân tộc thiểu số đến các tôn giáo – tất cả cùng hướng về một mục tiêu tối thượng: độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và khát vọng hòa bình.

Từ góc nhìn lý luận, Đại thắng 30/4 là minh chứng sinh động cho chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Ở đó, "lòng dân" không chỉ là sự ủng hộ, mà là nền tảng căn bản tạo nên sức mạnh cách mạng; không chỉ là điều kiện cần, mà còn là yếu tố quyết định bảo đảm thắng lợi. Quan điểm của Đảng xuyên suốt qua các thời kỳ cũng luôn nhất quán: đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ở bình diện thực tiễn, thắng lợi ấy phản ánh sự vận hành hiệu quả của một cơ chế đồng thuận xã hội sâu sắc – nơi lợi ích chung của quốc gia, dân tộc được đặt lên trên mọi khác biệt về địa vị xã hội, niềm tin tôn giáo hay bản sắc tộc người. Chính trong quá trình đó, các giá trị văn hóa – đạo đức truyền thống, trong đó có những yếu tố tương đồng với tinh thần hòa hợp, bao dung, vị tha của Phật giáo, đã góp phần quan trọng làm mềm hóa các khác biệt, củng cố sự gắn kết cộng đồng và tạo nên nền tảng ổn định từ cơ sở.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, việc nhận thức đầy đủ và phát huy giá trị của "lòng dân" – như một dạng "thế trận tinh thần" – càng trở nên cấp thiết. Đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo, nơi vừa giàu tiềm năng đoàn kết, vừa tiềm ẩn những yếu tố nhạy cảm, thì bài học từ Đại thắng 30/4 tiếp tục khẳng định một nguyên lý có tính quy luật:

Muốn giữ vững ổn định và phát triển bền vững, trước hết phải chăm lo xây dựng, củng cố và nuôi dưỡng "lòng dân" – trên nền tảng tôn trọng, hòa hợp và đồng thuận.

Như vậy, Đại thắng 30/4 không chỉ là biểu tượng của chiến thắng trong quá khứ, mà còn là nguồn lực tinh thần to lớn cho hiện tại và tương lai – nơi tinh thần đại đoàn kết, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị nhân văn sâu sắc của văn hóa dân tộc, tiếp tục được chuyển hóa thành động lực xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc trong kỷ nguyên mới.



2. “Lục hòa” – nền tảng Phật học của đồng thuận xã hội và gợi mở cho xây dựng “thế trận lòng dân”

Trong hệ thống giáo lý Phật giáo, nguyên lý lục hòa được xác lập như một chuẩn mực căn bản để kiến tạo đời sống cộng đồng tăng đoàn ổn định, bền vững và phát triển hài hòa. Sáu phương diện của lục hòa – hòa thân đồng trụ, hòa khẩu vô tranh, hòa ý đồng duyệt, hòa giới đồng tu, hòa kiến đồng giải, hòa lợi đồng quân – không chỉ là quy tắc ứng xử trong Tăng đoàn, mà còn mang giá trị phổ quát đối với tổ chức xã hội rộng lớn hơn, nơi con người cần chung sống trong đa dạng mà vẫn giữ được sự thống nhất về mục tiêu và định hướng.

Từ góc độ lý luận xã hội, lục hòa có thể được nhìn nhận như một mô hình đạo đức – xã hội nội sinh, trong đó sự đồng thuận không phải là kết quả của áp đặt, mà là quá trình tự giác điều chỉnh hành vi trên nền tảng hiểu biết, tôn trọng và chia sẻ lợi ích. Chính vì vậy, khi đặt trong bối cảnh lịch sử của Đại thắng 30/4/1975, có thể nhận diện một sự tương thích sâu sắc giữa nguyên lý lục hòa và cơ chế vận hành của khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Hòa kiến (đồng giải) được thể hiện ở sự thống nhất nhận thức về mục tiêu tối thượng của cách mạng: độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất đất nước;

- Hòa ý (đồng duyệt) phản ánh sự đồng thuận cao về ý chí chính trị, vượt lên trên khác biệt về địa vị xã hội, tôn giáo hay tộc người;

- Hòa thân – hòa hành (đồng trụ, đồng tu) được hiện thực hóa qua sự tham gia rộng khắp của các tầng lớp Nhân dân vào các phong trào cách mạng, tạo thành sức mạnh tổng hợp;

- Hòa lợi (đồng quân) thể hiện ở việc đặt lợi ích chung của quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cục bộ, cá nhân hay nhóm lợi ích.

Trong ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, sự tương thích này càng trở nên rõ nét khi Người khẳng định: đoàn kết không chỉ là mục tiêu, mà còn là phương pháp cách mạng, là "điểm mẹ" sinh ra mọi thành công. Quan điểm của Đảng cũng nhất quán coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược lâu dài, là nguồn lực nội sinh quyết định sự ổn định và phát triển của đất nước.

Từ đó có thể khái quát rằng: đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn cách mạng Việt Nam chính là sự "hiện thực hóa" các giá trị hòa hợp của lục hòa trong đời sống chính trị – xã hội, nơi những nguyên lý đạo đức được chuyển hóa thành cơ chế vận hành xã hội hiệu quả. Nói cách khác, đây không đơn thuần là sự tương đồng ngẫu nhiên, mà là sự gặp gỡ giữa giá trị văn hóa – tôn giáo truyền thống với đường lối chính trị tiến bộ của Đảng, cùng hướng tới mục tiêu chung là ổn định, thống nhất và phát triển đất nước.
Trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội ngày càng đa dạng về lợi ích, niềm tin và cách tiếp cận thông tin, việc vận dụng tinh thần lục hòa có ý nghĩa đặc biệt trong công tác dân tộc, tôn giáo. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo, đây chính là cơ sở để:

- Tăng cường đồng thuận nhận thức, hạn chế tác động của thông tin sai lệch;

- Củng cố đoàn kết cộng đồng, không để phát sinh chia rẽ từ những khác biệt văn hóa – tín ngưỡng;

- Bảo đảm hài hòa lợi ích, gắn phát triển kinh tế – xã hội với ổn định chính trị từ cơ sở.

Đồng thời, trong công tác tuyên truyền và định hướng dư luận, việc lồng ghép, diễn giải các giá trị của lục hòa theo ngôn ngữ gần gũi, dễ tiếp cận sẽ góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức của đồng bào về tinh thần đoàn kết, từ đó chủ động tham gia xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc – một yêu cầu có tính chiến lược trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, nguyên lý lục hòa của Phật giáo không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, mà còn là một nguồn lực văn hóa – đạo đức quan trọng cho việc kiến tạo đồng thuận xã hội. Việc nhận diện, phát huy và vận dụng sáng tạo giá trị này trong thực tiễn công tác dân tộc, tôn giáo chính là một trong những con đường thiết

thực để chuyển hóa tinh thần đại đoàn kết – kết tinh từ Đại thắng 30/4 – thành sức mạnh phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới (Rahula, 1974).

3. Từ bài học lịch sử đến thách thức hiện nay: kiến tạo đồng thuận xã hội trong kỷ nguyên số

Bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng, cấu trúc xã hội Việt Nam đang biến đổi nhanh chóng cả về không gian tương tác, phương thức truyền thông và cơ chế hình thành nhận thức cộng đồng. Nếu trong giai đoạn lịch sử trước đây, "lòng dân" được củng cố chủ yếu thông qua các thiết chế trực tiếp và phong trào quần chúng, thì ngày nay, quá trình này ngày càng chịu tác động mạnh mẽ của không gian mạng – một "không gian xã hội mới" có tốc độ lan truyền thông tin nhanh, phạm vi ảnh hưởng rộng và mức độ tương tác cao.

Trong bối cảnh đó, có thể nhận diện một số thách thức nổi lên đối với việc duy trì và củng cố đồng thuận xã hội:

Thứ nhất, không gian mạng trở thành mặt trận tư tưởng chủ yếu, nơi các luồng thông tin chính thống và phi chính thống cùng tồn tại, cạnh tranh và tác động trực tiếp đến nhận thức, niềm tin và thái độ của Nhân dân. Nếu không được định hướng kịp thời, thông tin sai lệch, xuyên tạc có thể làm xói mòn niềm tin, gây nhiễu loạn nhận thức và từng bước làm suy yếu nền tảng đồng thuận xã hội.

Thứ hai, sự xuất hiện và gia tăng của các "điểm nóng mềm" liên quan đến đất đai, môi trường, sinh kế, tín ngưỡng, tôn giáo... Đây là những vấn đề không bộc phát thành xung đột lớn ngay lập tức, nhưng có tính chất tích tụ, lan tỏa và dễ bị kích hoạt thành bất ổn nếu thiếu cơ chế xử lý phù hợp. Đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo – nơi vừa có tính đặc thù văn hóa, vừa nhạy cảm về chính trị – xã hội – các "điểm nóng mềm" này đòi hỏi phải được nhận diện sớm, xử lý từ cơ sở với cách tiếp cận linh hoạt, thấu đáo và tôn trọng đặc điểm cộng đồng.

Thứ ba, tính dễ tổn thương của đồng thuận xã hội trước thông tin sai lệch ngày càng gia tăng. Trong môi trường truyền thông số, một thông tin chưa được kiểm chứng, nếu đánh trúng tâm lý hoặc lợi ích cục bộ, có thể lan rộng trong thời gian ngắn, làm nảy sinh nghi ngờ, bức xúc và thậm chí tạo ra những phản ứng xã hội tiêu cực. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác tuyên truyền và định hướng dư luận: không chỉ phản ứng nhanh, mà phải chủ động đi trước, dẫn dắt và định hình nhận thức xã hội ngay từ đầu.

Trong ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề cốt lõi vẫn là chăm lo "lòng dân", bởi như Người đã khẳng định, mọi công việc thành công hay thất bại đều bắt nguồn từ việc có dựa vào dân, hiểu dân và làm cho dân tin hay không. Quan điểm của Đảng trong tình hình mới cũng nhấn mạnh yêu cầu chủ động nắm bắt, dự báo tình hình; kịp thời xử lý từ sớm, từ xa, từ cơ sở; không để phát sinh điểm nóng phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

Từ bài học lịch sử của Đại thắng 30/4, có thể rút ra một yêu cầu có tính phương pháp luận trong giai đoạn hiện nay:

Chuyển từ tư duy "xử lý bất đồng" sang "chủ động kiến tạo đồng thuận".

Điều này hàm ý rằng, thay vì chỉ tập trung giải quyết các mâu thuẫn khi đã phát sinh, cần xây dựng một hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm:

- Nâng cao chất lượng thông tin chính thống, bảo đảm nhanh, chính xác, dễ tiếp cận;

- Tăng cường đối thoại và tương tác xã hội, đặc biệt với đồng bào dân tộc thiểu số và tín đồ tôn giáo;

- Phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc tôn giáo như những "cầu nối niềm tin" trong cộng đồng;

- Kết hợp hài hòa giữa quản lý nhà nước và giá trị văn hóa – đạo đức, trong đó có thể vận dụng tinh thần hòa hợp của Phật giáo để làm mềm hóa xung đột, củng cố sự gắn kết xã hội.

Như vậy, trong điều kiện mới, "thế trận lòng dân" không chỉ được xây dựng bằng các biện pháp hành chính hay kinh tế, mà cần được nuôi dưỡng bằng niềm tin, sự thấu hiểu và cơ chế đồng thuận bền vững. Đây chính là sự kế thừa và phát triển sáng tạo bài học từ Đại thắng 30/4 – đưa giá trị lịch sử trở thành phương thức hành động trong hiện tại, góp phần giữ vững ổn định chính trị – xã hội và tạo nền tảng cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Swearer, 2010; Keyes, 1995).

4. Truyền thông chính sách – công cụ hiện đại hóa "lục hòa" trong kiến tạo đồng thuận xã hội

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, sự đồng thuận xã hội từng được kiến tạo chủ yếu thông qua các thiết chế truyền thống như tổ chức quần chúng, hệ thống chính trị cơ sở và hoạt động dân vận trực tiếp. Tuy nhiên, bước vào kỷ nguyên số, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông,

phương thức hình thành nhận thức và niềm tin xã hội đã có sự chuyển dịch căn bản. Trong bối cảnh đó, truyền thông chính sách nổi lên như một công cụ trung tâm, không chỉ để truyền tải thông tin, mà còn để định hình nhận thức, dẫn dắt dư luận và củng cố "thế trận lòng dân".

Từ góc độ lý luận, có thể xem truyền thông chính sách là cơ chế vận hành hiện đại của nguyên lý "lục hòa" trong không gian xã hội mở. Nếu lục hòa nhấn mạnh đến sự hòa hợp về nhận thức, ý chí, hành vi và lợi ích trong cộng đồng, thì truyền thông chính sách, khi được tổ chức khoa học và có định hướng, chính là phương tiện để kiến tạo "hòa hợp nhận thức" ở quy mô xã hội, từ đó lan tỏa sang các cấp độ hòa hợp khác.

Trong thực tiễn hiện nay, việc phát huy vai trò của truyền thông chính sách cần tập trung vào một số trụ cột cơ bản:

Thứ nhất, dữ liệu hóa nhận thức xã hội.

Việc nắm bắt dư luận không thể chỉ dựa vào cảm nhận chủ quan hay báo cáo định tính, mà cần được hỗ trợ bởi hệ thống dữ liệu số, phân tích xu hướng và dự báo diễn biến tâm lý xã hội. Đây là bước chuyển từ "nắm tình hình" truyền thống sang quản trị nhận thức xã hội trên nền tảng dữ liệu, giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện vấn đề từ sớm, từ xa.

Thứ hai, chủ động dẫn dắt thông tin trên không gian số.

Trong môi trường truyền thông đa chiều, nếu thông tin chính thống không đi trước một bước, sẽ khó tạo được vị thế định hướng. Do đó, cần chuyển từ tư duy "cung cấp thông tin" sang tư duy "kiến tạo dòng thông tin", bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận và phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và tín đồ tôn giáo.

Thứ ba, kịp thời phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Trong bối cảnh các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc, kích động, truyền thông chính sách phải thực hiện tốt chức năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, theo tinh thần của Nghị quyết 35-NQ/TW. Việc phản bác không chỉ dừng ở phủ định thông tin sai lệch, mà cần kết hợp với cung cấp thông tin đúng, có sức thuyết phục, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân.

Đặt trong ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thông chính sách phải gắn chặt với công tác dân vận, lấy Nhân dân làm trung tâm, "nói cho dân hiểu, làm cho dân tin". Quan điểm của Đảng trong tình hình mới cũng yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ phương thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả định hướng dư luận

xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo, truyền thông chính sách cần được triển khai với cách tiếp cận phù hợp:

- Tôn trọng bản sắc văn hóa và niềm tin tôn giáo;

- Phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc tôn giáo như những "chủ thể truyền thông" tại chỗ;

- Kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ chính sách và các giá trị đạo đức – văn hóa truyền thống, trong đó có thể vận dụng tinh thần hòa hợp, bao dung của Phật giáo để tăng tính thuyết phục và khả năng lan tỏa.

Như vậy, nếu trong truyền thống, lục hòa là nguyên lý điều tiết đời sống cộng đồng ở quy mô vi mô, thì trong kỷ nguyên số, truyền thông chính sách chính là công cụ hiện đại hóa lục hòa ở cấp độ vĩ mô, góp phần kiến tạo đồng thuận xã hội một cách chủ động, bền vững và phù hợp với điều kiện mới (Swearer, 2010).

5. Kết luận và hàm ý chính sách: Chuyển hóa tinh thần đại đoàn kết thành sức mạnh phát triển trong kỷ nguyên mới

Tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc – kết tinh trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là ngày 30/4 lịch sử – không chỉ là giá trị của quá khứ, mà còn là nguồn lực nội sinh có ý nghĩa chiến lược đối với hiện tại và tương lai phát triển của đất nước. Đó là thành quả của quá trình hội tụ ý chí, niềm tin và khát vọng chung của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng là minh chứng sinh động cho chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: đoàn kết là sức mạnh, là cội nguồn của mọi thắng lợi.

Dưới góc nhìn Phật học, tinh thần ấy có thể được nhận diện như một dạng năng lực hòa hợp xã hội, nơi các khác biệt về nhận thức, niềm tin, lợi ích được điều tiết và chuyển hóa trên nền tảng của sự thấu hiểu, bao dung và hướng thiện. Nguyên lý "lục hòa", với các phương diện hòa hợp toàn diện trong cộng đồng, không chỉ mang giá trị tôn giáo, mà còn gợi mở một cách tiếp cận giàu tính nhân văn đối với việc kiến tạo đồng thuận xã hội trong điều kiện đa dạng văn hóa, dân tộc và tín ngưỡng.

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, với những biến động nhanh chóng của môi trường kinh tế – xã hội và sự tác động sâu rộng của không gian số, yêu cầu đặt ra không chỉ là kế thừa tinh thần đại đoàn kết, mà

còn phải chủ động chuyển hóa tinh thần đó thành cơ chế vận hành hiệu quả trong quản trị xã hội hiện đại. Quan điểm của Đảng tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược lâu dài, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả định hướng dư luận, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm ổn định chính trị – xã hội, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo.

Đối với công tác dân tộc, tôn giáo, yêu cầu đặt ra là:

- Kiên trì xây dựng và củng cố "thế trận lòng dân" từ cơ sở;

- Phát huy vai trò của cộng đồng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong việc lan tỏa giá trị đoàn kết;

- Kết hợp hài hòa giữa chính sách phát triển và các giá trị văn hóa – đạo đức truyền thống, trong đó vận dụng tinh thần hòa hợp của Phật giáo như một nguồn lực mềm quan trọng;

- Chủ động định hướng dư luận xã hội, tạo dựng niềm tin và đồng thuận trong Nhân dân.

Từ đó có thể khẳng định: giữ vững và phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc không chỉ là yêu cầu chính trị, mà còn là nhiệm vụ văn hóa – xã hội mang tính nền tảng, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững và hài hòa trong kỷ nguyên mới. Đây chính là sự tiếp nối sống động của giá trị lịch sử Đại thắng 30/4, đồng thời là con đường thiết thực để hiện thực hóa khát vọng xây dựng một Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc.

Tác giả: **Nguyễn Hoàng Hành**
Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

***

Tài liệu tham khảo

1. Tài liệu tiếng Việt
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Bộ Chính trị. (2018). Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
- Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (Tái bản lần thứ ba). Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Tài liệu quốc tế
- Rahula, W. (1974). What the Buddha Taught. New York: Grove Press.
- Swearer, D. K. (2010). The Buddhist World of Southeast Asia (2nd ed.). Albany, NY: State University of New York Press.
- Keyes, C. F. (1995). The Golden Peninsula: Culture and Adaptation in Mainland Southeast Asia. Honolulu: University of Hawai‘i Press.